

健康診断を受けましょう

Hãy khám sức khỏe

健康診断は、安心して働き続けるための大切な制度です。
事業者は健康診断の結果に基づき、働く方の健康を守るための配慮を行います。
Khám sức khỏe là một chế độ quan trọng để có thể an tâm tiếp tục làm việc.
Người sử dụng lao động sẽ căn cứ vào kết quả khám sức khỏe, thực hiện việc cân nhắc để bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

健康診断とは？

Khám sức khỏe là gì?

日本では労働者の健康を守るため、事業者に対し、常時使用する労働者(※1)を対象に健康診断を実施することを義務付けており、労働者にも受診義務があります。健康診断の費用は事業者が負担します。

一般健康診断(※2)を雇入れ時に1回、その後は年1回受診する必要があります(※3)。事業者には健康診断の結果に応じて、必要な場合には勤務内容や作業環境の見直しなど、労働者の健康を守るための措置を行うことが求められています。

Tại Nhật Bản, để bảo vệ sức khỏe của người lao động, người sử dụng lao động sẽ có nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện việc khám sức khỏe cho đối tượng là người lao động được sử dụng thường xuyên (※1), và người lao động cũng có nghĩa vụ phải đi khám sức khỏe.

Chi phí khám sức khỏe sẽ do người sử dụng lao động chi trả.

Người lao động sẽ cần phải khám sức khỏe tổng quát (※2) 1 lần khi được tuyển dụng vào làm, và sau đó mỗi năm 1 lần (※3).

Tùy theo kết quả khám sức khỏe, trong trường hợp cần thiết, người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp để bảo vệ sức khỏe của người lao động, chẳng hạn như xem xét lại nội dung công việc hoặc môi trường làm việc, v.v.

- ※1: 契約期間が1年以上(予定を含む)で、1週間の労働時間が同種の業務に従事する通常の労働者の3/4以上の労働者です。
Là người lao động có thời hạn hợp đồng từ 1 năm trở lên (bao gồm cả dự kiến) và thời gian lao động trong 1 tuần bằng 3/4 trở lên so với người lao động thông thường làm công việc cùng loại.
- ※2: 労働安全衛生法第66条の第2項及び第3項に基づき、有害な業務に従事する労働者に対しては特別の健康診断を実施しなければなりません。
Căn cứ theo Khoản 2 và Khoản 3, Điều 66 của Luật An toàn Vệ sinh Lao động, đối với người lao động làm công việc có hại cho sức khỏe, sẽ phải thực hiện việc khám sức khỏe đặc biệt.
- ※3: 労働安全衛生規則第45条に基づき、深夜業等の特定業務従事者は配置換えの際に1回、その後は6か月に1回受診する必要があります。
Căn cứ theo Điều 45 của Quy định An toàn Vệ sinh Lao động, người làm các công việc đặc định như công việc đêm khuya, v.v., sẽ cần phải khám sức khỏe 1 lần khi được thay đổi bố trí công việc, và sau đó mỗi 6 tháng 1 lần.

健康診断項目の具体的な検査

Kiểm tra cụ thể trong hạng mục khám sức khỏe

①既往歴及び業務歴の調査

Điều tra tiền sử bệnh và lịch sử làm việc

②自覚症状及び他覚症状の有無の検査

Kiểm tra có hay không có triệu chứng chủ quan và triệu chứng khách quan



③身長、体重、腹囲、視力及び聴力の検査

Kiểm tra chiều cao, cân nặng, vòng bụng, thị lực và thính lực



④胸部X線検査

Chụp X-quang lồng ngực



⑤血圧の測定

Đo huyết áp



⑥貧血検査

Kiểm tra thiếu máu

⑦肝機能検査

Kiểm tra chức năng gan

⑧血中脂質検査

Kiểm tra mỡ máu

⑨血糖検査

Kiểm tra đường huyết

⑩血清クレアチニン検査※1

Kiểm tra creatinine huyết thanh ※1



⑪尿検査

Kiểm tra nước tiểu



⑫心電図検査

Kiểm tra điện tâm đồ



※1: 令和9年4月1日より一般健康診断の検査項目に追加
Bổ sung vào hạng mục khám sức khỏe tổng quát từ ngày 1 tháng 4 năm 2027

それぞれの検査項目についてのイメージは、実際と異なる場合があります。

Hình ảnh minh họa về các hạng mục kiểm tra có thể sẽ khác so với thực tế.

多言語の問診票を準備する等の対応を行っている健診機関もあります。
詳細は受診予定の健診機関へお問い合わせください。

Cũng sẽ có những cơ sở khám sức khỏe có thực hiện các hỗ trợ như chuẩn bị bảng câu hỏi bệnh đa ngôn ngữ.

Chi tiết vui lòng liên hệ với các cơ sở khám sức khỏe mà bạn dự định đến khám.